

Số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dung.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Doan và ông Phan Thúc Định.

+ *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Đức Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Tĩnh.

+ *Đại diện VKSND Khu vực 5 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Đậu Thị Hiền Trang - Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút, ngày 30/3/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tiếp công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12/11/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 26/02/2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 13/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào ngày 20/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D1, tỉnh Bình Dương (Nay là Ủy ban nhân dân phường D2, thành phố Hồ Chí Minh) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị N, anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên chị N, anh H thường xuyên xảy ra tranh cãi và ngày càng gay gắt, đỉnh điểm từ năm 2023 chị N và anh H sống ly thân nhau cho đến nay. Hiện tại chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn

tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày: 01/9/2019. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Văn T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

+ Phương thức cấp dưỡng: Chị N chuyển tiền cho anh H định kỳ vào ngày 05 hàng tháng.

+ Thời gian cấp dưỡng: Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 21/11/2025 bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau vào ngày 20/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D1, tỉnh Bình Dương (Nay là Ủy ban nhân dân phường D2, thành phố Hồ Chí Minh) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh H, chị N chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị N ngoại tình nên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị N yêu cầu ly hôn nên anh H đồng ý ly hôn với chị N.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/12/2025 anh Nguyễn Văn H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày là không đúng mà nguyên nhân do chị N ngoại tình với người khác, từ năm 2023 chị N đi xuất khẩu lao động đã có thai, thường ngày chị N không thực hiện việc chăm sóc, chu cấp cho con nên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị N yêu cầu ly hôn nhưng anh H chưa đồng ý ly hôn với chị N.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày: 01/9/2019. Trường hợp ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị N thực hiện việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tố tụng và đề xuất đường lối giải quyết vụ án như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và

quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định tư cách pháp lý của đương sự theo đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Thụ lý vụ án và thời hạn gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự; lập hồ sơ vụ án theo đúng Điều 204 Bộ luật tố tụng dân sự; tổ chức hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án như nguyên tắc xét xử, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục hỏi tại phiên tòa, thủ tục tranh luận tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N chấp hành đúng pháp luật, còn bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại một số buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án tiếp tục xét xử và ra bản án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; các Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

+ Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày: 01/9/2019 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

+ Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng: Chị N chuyển tiền cho anh H định kỳ vào ngày 05 hàng tháng.

Thời gian cấp dưỡng: Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Nguyễn Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử miễn xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Anh H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đã có bản khai, bản lấy lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tố tụng và cũng đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra, giao nộp tiếp cận chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Ngày 13/3/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Tĩnh đã mở phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đã chấp hành đầy đủ, còn bị đơn anh Nguyễn Văn H chưa thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự đó là không có mặt tại một số buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án tiếp tục xét xử và ra bản án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H được xác lập trên cơ sở hoàn T tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dù chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H không đồng nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng xét đến cùng thì nguyên nhân cũng bắt đầu từ sự bất đồng về quan điểm sống, giữa chị N và anh H không có sự thấu hiểu, quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng. Điều đó được thể hiện qua thời gian chị N, anh H sống ly thân cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, giữa hai anh chị không gặp gỡ, trao đổi, bàn bạc và có ý hằn gấn tình cảm với nhau. Theo kết quả xác minh của Tòa án vào ngày 24/01/2026 tại UBND xã T, tỉnh Hà Tĩnh, Hội liên hiệp phụ nữ xã T, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng, về nguyên nhân

mâu thuẫn giữa chị N và anh H chính quyền địa phương không có căn cứ để xác định tuy nhiên từ năm 2023 cho đến nay chị N và anh H sống ly thân nhau. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án tuy anh Nguyễn Văn H trình bày từ năm 2023 chị N đi xuất khẩu lao động đã có thai nhưng anh H không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Theo kết quả xác minh của Tòa án vào ngày 24/01/2026 tại UBND xã T, tỉnh Hà Tĩnh, Hội liên hiệp phụ nữ xã T, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện quá trình sống chung chị N, anh H có 01 người con chung cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày: 01/9/2019 và theo biên bản xác minh tại Công an xã T, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện Công an xã T không nhận được đơn trình báo nào liên quan đến việc anh H tố cáo hành vi chị N mang thai và tại phiên tòa hôm nay chị N không đồng ý với ý kiến của anh Nghĩa đã trình bày về việc năm 2023 chị N có thai với người khác.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H có 01 người con chung cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày: 01/9/2019, hiện tại cháu T đang sống cùng anh Nguyễn Văn H. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H đã có lời khai về việc nuôi con. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Theo kết quả xác minh của Tòa án vào ngày 24/01/2026 tại UBND xã T, tỉnh Hà Tĩnh, Hội liên hiệp phụ nữ xã T, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện từ năm 2023 cho đến nay anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và theo kết quả xác minh của Tòa án vào ngày 24/01/2026 tại trường tiểu học Đ, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện quá trình học tập tại trường cháu T luôn lễ phép với thầy cô giáo, hòa nhã với bạn bè, không có hiện tượng bỏ học.

Hội đồng xét xử xét thấy việc Nguyễn Thị N có nguyện vọng giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và việc anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là nguyện vọng chính đáng vì từ năm 2023 cho đến nay anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, việc học tập, sinh hoạt của cháu T đều ổn định. Trên cơ sở xem xét một cách T diện Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu T thì cần giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: Chị N chuyển tiền cho anh H định kỳ vào ngày 05 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng: Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Anh H yêu cầu chị N phải thực hiện việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Theo kết quả xác minh của Tòa án vào ngày 24/01/2026 tại UBND xã T, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện mức thu

nhập bình quân đầu người tại xã T, tỉnh Hà Tĩnh là 48.000.000 đồng/01 người/01 năm. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh H và sự tự nguyện về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị N là chính đáng và hoàn T tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 5; khoản 1 Điều 28 ; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; các Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày: 01/9/2019 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Phương thức cấp dưỡng: Chị N chuyển tiền cho anh H định kỳ vào ngày 05 hàng tháng.

- Thời gian cấp dưỡng: Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Xử buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng

được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000527, ngày 12/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị N phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- UBND phường D2;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dung

